

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12/4/2022

V/v: “Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình - Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TS, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Thái

2. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TS tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Dáng Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TS xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 296/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thúy H, sinh năm 1987 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: số 40 ấp D1, xã TT, huyện VT, thành phố Cần Thơ.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Địa chỉ: số 98 Nguyễn Thị Minh Khai, ấp DS 2, thị trấn NS, huyện TS, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thúy H trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Thanh H1 do mai mối và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2013, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn NS, huyện TS, tỉnh An Giang ngày 30/8/2013. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, có 01 con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 02/6/2014. Nhưng đến năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh H1 ăn chơi, nhậu nhẹt không chăm lo cho gia đình và còn có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2019 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn và kéo dài nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H1.

- *Về quan hệ con chung:* Có 01 con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 02/6/2014, hiện đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

- *Về quan hệ tài sản:*

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

** Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Nguyễn Thanh H1 trình bày:*

Anh thống nhất với trình bày của chị Nguyễn Thúy H về hôn nhân tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2013, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn NS, huyện TS, tỉnh An Giang ngày 30/8/2013. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc và có 01 con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 02/6/2014. Đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, có cự cãi nhau thì chị H đưa con về nhà cha mẹ ruột chị H, anh và mẹ anh có xuống kêu về nhưng chị H không chịu về và tự cắt chuyển hộ khẩu về Cần Thơ nên ly thân cho đến nay. Nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

- *Về quan hệ con chung:* Có 01 con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 02/6/2014, hiện đang sống với chị H. Anh đồng ý giao con chung cho chị H nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về quan hệ tài sản:*

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:* Việc Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết là đúng theo trình tự thủ tục và thẩm quyền, trong quá trình tiến

hành tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án cũng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về nội dung: Căn cứ theo các quy định của pháp luật, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thúy H.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thúy H được ly hôn anh Nguyễn Thanh H1.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 02/6/2014 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, bị đơn anh Nguyễn Thanh H1 có địa chỉ tại ấp DS 2, thị trấn NS, huyện TS, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TS theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, nguyên đơn chị Nguyễn Thúy H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh H1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thúy H và anh Nguyễn Thanh H1 tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2013, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn NS, huyện TS, tỉnh An Giang ngày 30/8/2013. Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thúy H, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H và anh H1 sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc và có 01 con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 02/6/2014. Nhưng đến năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh H1 ăn chơi, nhậu nhẹt không chăm lo cho gia đình và còn có quan hệ với người phụ nữ

khác bên ngoài. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2019 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để tạo điều kiện cho chị H và anh H1 hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng chị H vẫn kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H1 vì tình cảm vợ chồng đã không còn, cuộc sống hôn nhân từ lâu đã không còn hạnh phúc, ly thân cũng đã lâu và anh H1 không tham gia hòa giải nhưng có ý kiến đồng ý ly hôn chị H.

Từ những nhận định, phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh H1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có đủ căn cứ để áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thúy H.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị H và anh H1 có 01 con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 02/6/2014, hiện đang sống với chị H. Sau khi ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh H1 cũng đồng ý giao con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Do vậy, nhằm tạo điều kiện T lợi cho sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và ổn định cuộc sống của cháu T, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu T cho chị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục nhưng chị H phải tạo điều kiện cho anh H1 đến thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Lẽ ra, anh H1 không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng chị H không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Tuy nhiên, khi có điều kiện và tình hình thời gian thay đổi thì các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về quan hệ tài sản:

- Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do chị Nguyễn Thúy H yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thúy H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thúy H được ly hôn anh Nguyễn Thanh H1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 149/2013 Quyết số 01/2013 ngày 30 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thị trấn NS, huyện TS, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung:

Giao con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 02/6/2014 cho chị Nguyễn Thúy H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Thanh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được ngăn cản.

Chị Nguyễn Thúy H phải tạo điều kiện cho anh Nguyễn Thanh H1 được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản:

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Ghi nhận chị Nguyễn Thúy H và anh Nguyễn Thanh H1 không có nợ chung, nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh, chị trong thời kỳ sống chung thì chị Nguyễn Thúy H và anh Nguyễn Thanh H1 vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách là đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thúy H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008717 ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TS, tỉnh An Giang.

5. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện TS;
- Chi cục THADS huyện TS;
- UBND TT. NS, huyện TS, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Minh Tâm